

Số: 5511/2024/QĐST-VHNGĐ Thành phố Thủ Đức, ngày 11 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ**  
**MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2710/2024/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

- Ông Trương Văn T, sinh năm: 1969

Địa chỉ: 2 P, Tổ C, khu phố P, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 2 P, Tổ C, khu phố P, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Bích N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 270/ĐKTH, Quyền số 02/95 ngày 10/7/1995. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Bích N là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2024, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân chính là do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không hạnh

phúc. Ông T, bà N xác định quan hệ hôn nhân của ông bà không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về nuôi con chung: Có 03 người con chung tên Trương Thị Hoàng T1, sinh năm: 1995 (đã thành niên); Trương Thị Bích P, sinh năm: 1997 (đã thành niên) và Trương Thị Hoàng Y, sinh ngày 08/11/2009. Ông T và bà N thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Trương Thị Hoàng Y, ông T cấp dưỡng cho người con Trương Thị Hoàng Y mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi người con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[4] Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí ông T, bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0067241 ngày 14/11/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, Tòa án lập Biên bản về việc hòa giải đoàn tụ không thành;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Bích N thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/95, Quyển số 270/ĐKTH ngày 10/7/1995 do Ủy ban nhân dân huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Bích N không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Có 03 người con chung tên Trương Thị Hoàng T1, sinh năm: 1995 (đã thành niên); Trương Thị Bích P, sinh năm: 1997 (đã thành niên) và Trương Thị Hoàng Y, sinh ngày 08/11/2009. Bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Trương Thị Hoàng Y, ông Trương Văn T cấp dưỡng cho người con Trương Thị Hoàng Y mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi người con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí ông T, bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0067241 ngày 14/11/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS Tp.Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Tăng Thị Nguyệt**